



Biên số 3: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ
GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI
GÒN - TNHH MTV
0300481551**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP.HCM, ngày 30 tháng 06 năm 2022

Số:

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm so với kế hoạch đối với các chỉ tiêu theo Bảng số 1;

- Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp:

Trong năm 2021, Tổng Công ty đã bị tác động nặng nề bởi tình hình diễn biến phức tạp của dịch Covid-19. Thực hiện các quyết định giãn cách xã hội từ tháng 6/2021 của Thành phố, các doanh nghiệp từ thương mại dịch vụ - kinh doanh ô tô, sản xuất ô tô, đến các doanh nghiệp vận tải hành khách, bến bãi,... đều đình trệ đến tạm ngưng hoạt động hoàn toàn. Trong bối cảnh khó khăn chung như vậy, các doanh nghiệp trong Tổng Công ty đều cố gắng ổn định hoạt động, cắt giảm tối đa chi phí quản lý để giảm lỗ trong quá trình tạm ngưng hoạt động do dịch bệnh.

BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Giá trị thực hiện	Giá trị thực hiện của cả tổ hợp công ty mẹ - công ty con (nếu có) (*)
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất				
1.1	BFC1- Xe buýt CNG 38CN/22CD Hyundai	Chiếc	21	10	-
1.2	BFC2 - Xe buýt CNG 26CN/50CD Hyundai	Chiếc		1	-
1.3	BGC3-Ôtô khách thành phố 27 chỗ ngồi/24 chỗ đứng	Chiếc	60	1	-
1.4	BGP1E4-Ôtô khách TP 21 chỗ ngồi/19 chỗ đứng	Chiếc		14	-
1.5	BGP4E4- Ôtô khách TP 17 chỗ ngồi/13 chỗ đứng	Chiếc	48	43	-
1.6	BGP5E4- Ôtô khách TP 17 chỗ ngồi/23 chỗ đứng.	Chiếc		2	-
1.7	BGQ1E4-Ôtô khách 26 chỗ ngồi/21 chỗ đứng.	Chiếc	24	2	-

1.8	BGQ5E4-1 - Ôtô khách 19 chỗ ngồi/36 chỗ đứng	Chiếc	22	13	-
1.9	BGQ6E4 - Ôtô khách 21 chỗ ngồi/26 chỗ đứng	Chiếc		12	-
1.10	BGQ7E4 - Ôtô buýt 21 chỗ ngồi/29 chỗ đứng	Chiếc		20	-
1.11	BSC2- Xe buýt CNG B.60	Chiếc	15	-	
1.12	BSD2-Ô tô khách SAMCO CITY D60 BSD2	Chiếc	9	9	-
1.13	KFA1 - Xe giường nằm Hyundai 13m bầu hơi	Chiếc	3	-	-
1.14	KGP2E4 - Ôtô khách 29 chỗ ngồi Euro 4	Chiếc	12	19	-
1.15	KGQCE4 - Ô tô khách 29 chỗ	Chiếc	60	4	-
1.16	KGQDE4 - Xe khách 34 chỗ ngồi Euro 4	Chiếc	12	4	-
1.17	KGV7-Ô Tô khách ISUZU 35 giường kiểu Hyundai	Chiếc	10	1	-
1.18	KGV8-Ô Tô khách 47 chỗ ngồi WENDA SI	Chiếc	20	1	-
1.19	KGV9 - Ô TÔ KHÁCH SAMCO - WENDA LI.40	Chiếc	9	2	-
1.20	KGR1-Xe khách 29 chỗ ngồi máy sau bầu hơi kiểu Selega	Chiếc	18	-	-
1.21	KGR1-Xe khách 29 chỗ ngồi máy sau bầu hơi kiểu Selega	Chiếc	6	-	-
1.22	KSD4-Ô Tô khách Doosan 12m 47 chỗ ngồi	Chiếc	8	8	-
1.23	KSZ1-Xe khách FELIX LW 29 chỗ ngồi	Chiếc		1	-
1.24	XD1 - Xe buýt 16 chỗ	Chiếc		1	-
1.25	Xe ép rác	Chiếc	27	28	-
1.26	Xe hooklift, rơ mooc, xe đầu kéo	Chiếc	10		-
1.27	Xe rửa đường tưới cây, chữa cháy	Chiếc	6	3	-
1.28	Xe hút chất thải	Chiếc	3		-
1.29	Xe hút bùn và xe thông cống, chở bùn	Chiếc	6	5	-
1.30	Xe chở xe	Chiếc	3	1	-

1.31	Xe tải cầu	Chiếc		1	
1.32	Xe và thiết bị chuyên dùng khác	Chiếc	5	6	-
1.33	Xe thang nâng	Chiếc	1		-
1.34	Đầu ép rác	bộ	3	4	-
1.35	Cầu UNIC	bộ		13	-
1.36	Cầu FERARI	bộ			-
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	5.450	3.594	-
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	128	136	-
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	128	136	-
5	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước	Tỷ đồng	-	295	-
6	Kim ngạch xuất nhập khẩu (Nếu có)	Tỷ đồng	-	-	-
7	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)		-	-	-
8	Tổng số lao động	Người	1.188	1.137	
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	148,601	153,372	
a)	Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	5,436	5,768	
b)	Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	143,165	147,604	

Lưu ý:

(*) Công ty mẹ là doanh nghiệp nhà nước cung cấp thông tin các chỉ tiêu hợp nhất của mô hình công ty mẹ - công ty con.

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.

1. Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên (theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công); tiến độ thực hiện; những khó khăn, vướng mắc trong trường hợp dự án không đảm bảo tiến độ đã được phê duyệt.

Tổng Công ty đang làm chủ đầu tư 03 dự án nhóm B (theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công) như sau:

- Dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật và nhà ga BXMD mới (Giai đoạn 1)
- Dự án Bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư cho dự án xây dựng Tuyến Metro số 1 Bến Thành – Suối Tiên tại Phường Bình Thắng, TX. Dĩ An.
- Dự án Bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư phục vụ công trình Bến xe Miền Đông mới tại Phường Bình Thắng, TX. Dĩ An.
- Dự án Bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư phục vụ công trình Bến xe Miền Đông mới tại Phường Long Bình, Thành phố Thủ Đức.

Đối với công tác BTGPMB đã bàn giao 30/31 hộ dân (trên thực địa còn 01 trường hợp chưa đồng ý bàn giao mặt bằng là hộ Phạm Thị Mỹ Lan do còn khiếu nại).

Đồng thời Tổng Công ty đang thực hiện thủ tục Kiểm toán, Quyết toán dự án hoàn thành của 3 dự án trên.

BẢNG SỐ 2: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác (tỷ đồng)	Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án (từ năm ... đến năm...)
1	Dự án BTGPMB Tuyến Metro số 1 Bến Thành - Suối tiên	211,9			211,9	202,4	2012-2023
2	Dự án BT, GPMB phục vụ công trình BXMD mới P. Bình thắng, TX Dĩ An, Bình Dương	260,4			260,4	232,7	2012-2023
3	Dự án BT, GPMB phục vụ công trình Bến xe Miền Đông mới P. Long Bình, Quận 9	610,2			610,2	137,8	2012-2023

2. Các khoản đầu tư tài chính.

Các khoản đầu tư tài chính tại ngày 31/12/2021: 1.321,8 tỷ đồng

- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại ngày 31/12/2021: 0

- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31/12/2021: 1.321,8 tỷ đồng

Trong đó:

+ Đầu tư vào công ty con: 464,9 tỷ đồng

+ Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết: 914,7 tỷ đồng

+ Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn: (58) tỷ đồng

+ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: 0,2 tỷ đồng (*)

Ghi chú: (*) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: là giá trị của 20 trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON.

Đánh giá tình hình hoạt động của các công ty mà doanh nghiệp nắm trên 50% vốn điều lệ, tình hình đầu tư của doanh nghiệp vào các công ty này, tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty này theo Bảng số 3

BẢNG SỐ 3: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NĂM CỔ PHẦN CHI PHỐI

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tổng vốn đầu tư của công ty mẹ (tỷ đồng)	Tổng tài sản (tỷ đồng)	Doanh thu (tỷ đồng)	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận nộp về công ty mẹ	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước (tỷ đồng)	Tổng nợ phải trả (tỷ đồng)
<i>1 Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ</i>										
1.1	Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	246,5	246,5	596,7	436,1	123,1	100,9	78,3	61,4	350,3
1.2	Công ty TNHH MTV Bến xe Miền Đông	72,0	72,0	141,8	111,6	10,9	9,3	28,9	21,6	69,8
1.3	Công ty Xây dựng Giao thông Sài Gòn	26,7	23,0	5,2	7,8	(4,1)	(4,1)	-	3,5	366,1
<i>2 Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ</i>										
2.1	Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn	144,2	81,3	216,5	123,0	30,3	24,4	11,8	12,8	31,2
2.2	Công ty CP Cảng Tôn Thất Thuyết	5,0	3,8	11,3	69,4	1,1	0,8	0,7	2,3	1,4
2.3	Công ty CP Bến xe Miền Tây	25,0	12,8	185,8	63,0	13,7	11,7	2,6	12,2	19,2
2.4	Công ty CP Bến bãi Vận tải Sài Gòn	50,0	25,5	89,8	28,9	10,0	8,6	5,4	3,8	17,1